

CÔNG TY CP QUỲNH ANH SOLAR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP QUỲNH ANH SOLAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUYNH ANH SOLAR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUYNH ANH SOLAR JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3801232061

3. Ngày thành lập: 04/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Q114, Thôn 2, Xã Đoàn Kết, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0917000029

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng rau, đậu các loại, nấm các loại	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144

24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
33.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
34.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
35.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
36.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
37.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
38.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
39.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
40.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
43.	Bán buôn tổng hợp	4690
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
49.	Sản xuất điện	3511(Chính)
50.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
51.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
52.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
55.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
58.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
59.	Lập trình máy vi tính	6201
60.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Xây dựng nhà để ở	4101
63.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
64.	Xây dựng nhà không để ở	4102
65.	Xây dựng công trình điện	4221
66.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
67.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
69.	Phá dỡ	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
71.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
72.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
75.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
76.	Sản xuất cà phê	1077
77.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
78.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
79.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THÚY DIỄM	Thôn 2 , Tân Phúc Thành, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000.000	3.600.000.000	40,000	184316388	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	360.000.000	3.600.000.000	40,000		
2	HOÀNG THỊ DUNG	thôn 1, Xã Thống Nhất, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000.000	1.800.000.000	20,000	285213375	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000.000	1.800.000.000	20,000		

3	LÊ VĂN TRUNG	Thôn 2 , Tân Phúc Thành, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000.000	3.600.000.000	40,000	184118799
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	360.000.000	3.600.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	--	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ THÚY DIỄM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 28/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 184316388

Ngày cấp: 18/12/2014

Nơi cấp: Công an Tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2 , Tân Phúc Thành, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 06, Đường 14/12, khu phố Đức Lập, Thị trấn Đức Phong, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước